**CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

**MÔN ĐỊA LÝ LỚP 11**

**Câu 1.** Căn cứ để phân chia các quốc gia trên thế giới thành hai nhóm nước (phát triển và đang phát triển) là  
A. đặc điểm tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế  
B. đặc điểm tự nhiên và dân cư, xã hội  
C. trình độ phát triển kinh tế - xã hội  
D. đặc điểm tự nhiên và trình độ phát triển xã hội  
**Câu 2.** Các nước phát triển có đặc điểm là  
A. GDP bình quân đầu người cao. B. đầu tư ra nước ngoài nhiều.  
C. chỉ số HDI ở mức cao. D. Tất cả các ý kiến trên.  
**Câu 3.** Đặc điểm của các nước đang phát triển là  
A. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức cao, nợ nước ngoài nhiều.  
B. GDP bình quân đầu người cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.  
C. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.  
D. năng suất lao động xã hội cao, chỉ số HDI ở mức thấp, nợ nước ngoài nhiều.  
**Câu 4.** Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nước phát triển có đặc điểm là  
A. khu vực II rất cao, Khu vực I và III thấp B. khu vực I rất thấp, Khu vực II và III cao  
C. khu vực I và III cao, Khu vực II thấp . D. khu vực I rất thấp, Khu vực III rất cao  
**Câu 5.** Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ có đặc trưng là  
A. công nghệ có hàm lượng tri thức cao  
B. công nghệ dựa vào thành tựu khoa học mới nhất  
C. chỉ tác động đến lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ  
D. xuất hiện và phát triển nhanh chóng công nghệ cao  
**Câu 6.** Bốn công nghệ trụ cột của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là  
A. công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng, công nghệ thông tin.  
B. công nghệ hóa học, công nghệ vật liệu, công nghệ năng lượng, công nghệ thông tin.  
C. công nghệ hóa học, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng, công nghệ vật liệu.  
D. công nghệ điện tử, công nghệ tin học, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin.  
**Câu 7.** Tác động chủ yếu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại dến sự phát triển kinh tế - xã hội  
A. khoa học công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp  
B. xuất hiện các ngành công nghệ có  hàm lượng kỹ thuật cao  
C. thay đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh chóng mậu dịch quốc tế, đầu tư nước ngoài trên phạm vi toàn cầu  
D. Các ý kiến trên  
**Câu 8.** Đối với nền kinh tế công nghiệp, vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông là  
A. không lớn         B. lớn                     C. rất lớn               D. quyết định  
**Câu 9.** Nhận thức không đúng về xu hướng toàn cầu hóa là  
A.  quá trình liên kết giữa các quốc gia trên thế giới về một số mặt  
B. quá trình lên kết giữa các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt  
C. có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền Kinh tế-Xã hội thế giới  
D. toàn cầu hóa liên kết giữa các quốc gia  từ kinh tế đến văn hóa, khoa học  
**Câu 10.** Xu hướng toàn cầu không có biểu hiện nào sau đây?  
A. thương mại thế giới phát triển mạnh  
B. đầu tư nước ngoài tăng nhanh  
C. thị trường tài chính quốc tế thu hẹp  
D. các công ty xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn  
**Câu 11.** Tính đến tháng 1/2007, số quốc gia thành viên của tổ chức thương mại thế giới là  
A. 149                   B. 150                      C. 151                    D.152  
**Câu 12.** Với 150 thành viên (tính đến tháng 1/2007) tổ chức thương mại thế giới (WTO) chiếm khoảng  
A. 85% dân số thế giới                       B. 89% dân số thế giới  
C. 90% dân số thế giới                       D. 91% dân số thế giới  
**Câu 13.** Với 150 thành viên (tính đến tháng 1/2007) tổ chức thương mại thế giới (WTO) chi phối tới  
A. 59% hoạt động thương mại của thế giới  
B. 85% hoạt động thương mại của thế giới  
C. 90% hoạt động thương mại của thế giới          
D. 95% hoạt động thương mại của thế giới  
**Câu 14.** Nhận xét đúng nhất về hoạt động đầu tư nước ngoài thời kỳ 1990 – 2004 là  
A. trong đầu tư nước ngoài, lĩnh vực dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng lớn, trong đó nổi lên hàng đầu là các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm…  
B. trong đầu tư nước ngoài, lĩnh vực dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng thấp, trong đó một số hoạt động giảm sút là các hoạt động tài chính, ngân hàng, bảo hiểm…  
C. trong đầu tư nước ngoài, lĩnh vực sản xuất công nghiệp chiểm tỉ trọng ngày càng lớn, trong đó nổi lên hàng đầu là các hoạt động công nghiệp khai khoáng, cơ khí chế tạo, kỹ thuật điện – điện tử.  
D. trong đầu tư nước ngoài, lĩnh vực sản xuất vật chất chiếm tỷ trọng ngày càng lớn, trong đó nổi lên hàng đầu là các hoạt động công nghiệp.  
**Câu 15.** Hệ quả của toàn cầu hóa là  
A. tăng cường hợp tác quốc tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế  
B. đẩy mạnh đầu tư và tăng cường sự hợp tác quốc tế  
C. làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo  
D. Tất cả các ý kiến trên  
**Câu 16.** Toàn cầu hóa không dẫn đến hệ quả  
A. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn cầu  
B. đẩy mạnh đầu tư và tăng cường hợp tác quốc tế  
C. thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nước  
D. làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các nước  
**Câu 17.** APEC là tổ chức  
A. Hiệp ước thương mại tự do Bắc Mỹ  
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương  
C. Liên minh Châu Âu  
D. Thị trường chung Nam Mỹ  
**Câu 18.** EU là tổ chức  
A. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ  
B. Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương  
C. Liên minh Châu Âu  
D. Thị trường chung Nam Mỹ  
**Câu 19.** Trong các tổ chức liên kết sau đây, tổ chức có số dân đông nhất là  
A. Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ  
B. Liên minh Châu Âu  
C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á  
D. Thị trường chung Nam Mỹ  
**Câu 20.** Tổ chức liên kết kinh tế khu vực thị trường chung Nam Mỹ tính đến tháng 6-2006 có số thành viên là  
A. 3 quốc gia                                       B. 4 quốc gia  
C. 5 quốc gia                                       D. 6 quốc gia  
**Câu 21.** Tính đến tháng 1-2007, các nước vùng lãnh thổ là thành viên của Liên minh Châu Âu ( EU) là  
A. 25                     B. 26                        C.27                       D.28  
**Câu 22.** Hiệp ước tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA) được thành lập vào năm  
A. 1991                  B. 1992                   C. 1993                  D. 1994  
**Câu 23.** Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm  
A. 1966                 B. 1967                     C. 1968                   D. 1969  
**Câu 24.** Tổ chức liên kết kinh tế khu vực thị trường chung Nam Mỹ được thành lập vào năm  
A. 1991                 B. 1992                     C. 1993                 D. 1994  
**Câu 25.** Liên minh Châu Âu ( EU) được thành lập vào năm  
A. 1954                 B. 1955                    C. 1956                   D. 1957  
**Câu 26.** Hiện nay trung bình mỗi năm dân số thế giới tăng thêm khoảng  
A. Gần 60 triệu người                        B. Gần 70 triệu người  
C. Gần 80 triệu người                        D. Trên 80 triệu người  
**Câu 27.** Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra  
A. ở hầu hết các quốc gia  
B. chủ yếu ở các nước phát triển  
C. chủ yếu ở các nước đang phát triển  
D. chủ yếu ở châu Phi và châu Mỹ- la- tinh  
**Câu 28.** Các nước đang phát triển hiện nay chiếm khoảng  
A. 70% dân số và 80% số dân tăng hàng năm của thế giới  
B. 75% dân số và 85% số dân tăng hàng năm của thế giới  
C. 80% dân số và 90% số dân tăng hàng năm của thế giới  
D. 80% dân số và 95% số dân tăng hàng năm của thế giới  
**Câu 29**. Dự kiến dân số có thể ổn định vào năm 2025 với số dân khoảng  
A. 6 tỉ người         B. 7 tỉ người            C. 8 tỉ người           D. 9 tỉ người  
**Câu 30.** Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2001-2005 của các nước phát triển70% dân số và 80% số dân tăng hàng năm của thế giới và đang phát triển lần lượt là  
A. 1,0% và 1,2%                                 B. 0,1% và 1,5%  
C. 0,8% và 1,9%                                 D. 0,6% và 1,7%  
**Câu 31.** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình mỗi năm giai đoạn 2005-2006 của thế giới là  
A. 1,2%                 B. 1,4%                    C. 1,6%                 D. 1,9%  
**Câu 32.** Hiện tượng già hóa dân số thế giới được thể hiện ở  
A. tỉ lệ người dưới 15 tuổi ngày càng thấp  
B. tỉ lệ người trên 65 tuổi ngày càng cao  
C. tuổi thọ trung của dân số ngày càng tăng  
D. Tất cả các ý trên  
**Câu 33**. Ở các nước phát triển hiện tượng già hóa dân số được thể hiện ở  
A. tỉ lệ tử không tăng, tỉ lệ người già tăng nhiều  
B. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp  
C. tỉ lệ người trong độ tuổi lao động ngày càng tăng  
D. Các ý trên  
**Câu 34**. Biến đổi khí hậu toàn cầu chủ yếu là do  
A. con người đã đổ các chất thải sinh hoạt và công nghiệp vào sông hồ  
B. con người đã đưa một lượng khí thải lớn vào khí quyển  
C. các sự cố đắm tàu, tràn dầu vỡ ống dầu  
D. các thảm họa như núi lửa, cháy rừng…  
**Câu 35**. Biến đổi khí hậu toàn cầu là do  
A. sản xuất công nghiệp và các phương tiện giao thông đã đưa một lượng lớn khí thải vào khí quyển  
B. sự bất cẩn khi sử dụng năng lượng nguyên tử gây ô nhiễm phóng xạ  
C. lượng khí thải CFCs dùng trong máy lạnh thải vào khí quyển ngày càng tăng  
D. Các ý trên  
**Câu 36**. Lượng khí thải đưa vào khí quyển ngày càng tăng hàng chục tỉ tấn mỗi năm chủ yếu là do  
A. con người sử dụng nhiên liệu ngày càng nhiều  
B. các nhà máy, xí nghiệp ngày càng nhiều  
C. các phương tiện giao thông ngày càng nhiều  
D. hiện tượng cháy rừng ngày càng nhiều  
**Câu 37.** Một số vấn đề mang tính toàn cầu xuất hiện vào những thập niên cuối của thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI trở thành mỗi đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình của thế giới là  
A. xung đột sắc tộc. B. xung đột tôn giáo. C. nạn khủng bố. D. Các ý trên  
**Câu 38.** Các quốc gia đã chuyển hướng vào việc tìm kiếm các biện pháp phát triển kinh tế theo chiều sâu bắt đầu  
A. từ những thập niên đầu thế kỷ XX  
B. từ những thập niên giữa thế kỷ XX  
C. từ những thập niên cuối của thế kỷ XX  
D. từ những năm cuối của thế kỷ XX  
**Câu 39.** Các biện pháp phát triển kinh tế theo chiều sâu  không bao gồm  
A. sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng  
B. nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên-nhiên liệu, năng lượng  
C. nghiên cứu phát triển những loại vật liệu mới, các kỹ thuật công nghệ cao  
D. sử dụng nguồn lao động có tri thức qua đào tạo  
**Câu 40.** Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đã dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật cao như:  
A. điện tử, năng lượng nguyên tử, luyện kim, công nghệ hóa dầu  
B. điện tử, năng lượng nguyên tử, công nghệ hóa dâù, hàng không-vũ trụ  
C. năng lượng nguyên tử, công nghệ hóa dầu, vật liệu xây dựng, dược phẩm  
D. cơ giới hóa, tự động hóa, công nghệ hóa dầu, hàng không vũ trụ  
**Câu 41.**Trong thế kỷ XX, sản xuất công nghiệp thế giới tăng  
A. 15 lần trong khi thế kỷ XIX tăng 5 lần  
B. 20 lần trong khi thế kỷ XIX tăng 3 lần  
C. 25 lần trong khi thế kỷ XIX tăng 5 lần  
D. 35 lần trong khi thế kỷ XIX tăng 3 lần  
**Câu 42.** Sự hoạt động của các công ty xuyên quốc gia đã tạo nên phạm vi toàn cầu về  
A. mở rộng thương mại, đầu tư, vay nợ  
B. sự chuyển dịch vốn, công nghệ, lao động  
C. thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa phát triển  
D. các ý trên  
**Câu 43.** Nhận định đúng nhất về đặc điểm vị trí của khu vực Tây Nam Á là  
A. tiếp giáp với 3 châu lục  
B. tiếp giáp vói 2 lục địa  
C. án ngữ đường giao thông từ Ấn Độ Dương sang Đại Tây Dương  
D. Các ý trên  
**Câu 44.** Đặc điểm nổi bật về tự nhiên và xã hội của khu vực Tây Nam Á là  
A. vị trí trung gian của 3 châu lục, phần lớn lãnh thổ là hoang mạc  
B. dầu mỏ ở nhiều nơi, tập trung nhiều ở vùng Vịnh Péc-xích  
C. có nền văn minh rực rỡ, phần lớn dân cư theo đạo hồi  
D. Các ý kiến trên  
**Câu 45.** Diện tích của khu vực Tây Nam Á rộng khoảng:  
A. 5 triệu Km2                                    B. 6 triệu Km2  
B. 7 triệu Km2                                         D. 8 triệu Km2  
**Câu 46.** Năm 2005, số dân của khu vực Tây Nam Á là  
A. gần 310 triệu người                       B. hơn 313 triệu người  
C. gần 330 triệu người                       D. hơn 331 triệu người

**Câu 47.** Trong số các quốc gia sau đây, quốc gia không thuộc khu vực Trung Á là  
A. Áp-ga-ni-xtan                                B. Ca-dắc-xtan  
C. Tát-ghi-ki-xtan                              D. U-dơ-bê-ki-xtan  
**Câu 48.** Tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ của khu vực Tây Nam Á và Trung Á lần lượt là  
A. 17 và 5                                           B. 19 và 5  
C. 20 và 6                                           D. 21 và 6  
**Câu 49.** Quốc gia có diện tích tự nhiên rộng lớn nhất ở khu vực Tây Nam Á là  
A. Ả-rập-xê-út                                    B. Iran  
C. Thổ nhĩ kỳ                                      D. Áp-ga-ni-xtan  
**Câu 50.** Quốc gia có số dân đông nhất ở khu vực Tây Nam Á (năm2005) là  
A. Ả-rập-xê-út                                    B. Iran  
C. I-rắc                                                D. Thổ nhĩ kỳ                                
**Câu 51.** Quốc gia có diện tích tự nhiên rộng lớn nhất khu vực Trung Á là  
A. Mông Cổ                                 B. Ca-dắc-xtan  
C. U-dơ-bê-ki-xtan                       D. Tuốc-mê-ni-xtan  
**Câu 52.** Nguyên nhân sâu xa để Tây Nam Á và Trung Á trở thành nơi cạnh tranh ảnh hưởng của nhiều cường quốc là  
A. nguồn dầu mỏ có trữ lượng lớn  
B. có nhiều khoáng sản quan trọng như sắt, đồng, vàng, kim loại hiếm…  
C. có vị trí địa lý- chính trị quan trọng  
D. Ý A và C  
**Câu 53.** Quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất khu vực Tây Nam Á là  
A. I-ran                                                B. I-rắc  
C. Ả-rập-xê-út                                     D. Cô-oét  
**Câu 54.** Năm 2003, Khu vực tiêu dùng dầu thô ít nhất so với lượng dầu thô khai thác được là  
A. Tây Nam Á      B. Đông Âu             C. Tây Âu              D. Bắc Mĩ  
**Câu 55.** Khu vực tiêu dùng lượng dầu thô nhiều nhất thế giới năm 2003 là  
 A. Đông Âu           B. Đông Nam Á      C. Bắc Mĩ              D. Tây Nam Á  
**Câu 56.** Đối với khu vực Trung Á, đặc biệt là Tây Nam Á tài nguyên dầu mỏ là nguyên nhân quan trọng dẫn đến  
A. những bất ổn về chính trị  
B. các cuộc chiến tranh triền miên  
C. xung đột tôn giáo, sắc tộc, khủng bố  
D. Các ý trên

**Câu 57.** Nhận xét không đúng về Hoa Kỳ  
A. quốc gia rộng lớn nhất thế giới  
B. có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú  
C. dân cư được hình thành chủ yếu do quá trình nhập cư  
D. nền kinh tế phát triển mạnh nhất thế giới  
**Câu 58.** Nhận xét đúng về diện tích lãnh thổ Hoa Kỳ là  
A. lớn thứ nhất thế giới. B. lớn thứ hai thế giới. C. lớn thứ ba thế giới. D. lớn thứ tư thế giới  
**Câu 59.** Vị trí địa lý của Hoa Kỳ có đặc điểm là  
A. nằm ở bán cầu Tây  
B. nằm ở giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương  
C. tiếp giáp với Canada và khu vực Mĩ la tinh  
D. Các ý trên  
**Câu 60.** Đặc điểm tự  nhiên phần lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ có sự thay đổi rõ rệt từ Bắc xuống Nam, từ ven biển vào nội địa là do:  
A. có chiều dài từ Đông sang Tây khoảng 4500 Km  
B. có chiều dài từ Bắc xuống Nam khoảng 2500 Km  
C. phía Đông và Tây đều giáp đại dương, lại có những dãy núi chạy theo hướng Bắc-Nam  
D. Các ý trên  
**Câu 61.** Lãnh thổ Hoa Kỳ không tiếp giáp với  
A. Bắc Băng Dương                           B. Đại Tây Dương  
C. Ấn Độ Dương                                D. Thái Bình Dương  
**Câu 62.** Lãnh thổ Hoa Kỳ vừa trải dìa từ Bắc xuống Nam lại trải rộng từ Đông sang Tây nên đặc điểm tự nhiên đã thay đổi  
A. từ Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao  
B. từ Bắc xuống Nam, từ ven biển vào nội địa  
C. từ thấp lên cao, từ ven biển vào nội địa  
D. Các ý trên  
**Câu 63.** Phần lãnh thổ Hoa Kỳ nằm ở trung tâm lục địa Bắc Mĩ phân hóa thành 3 vùng tự nhiên là  
A. vùng phía Tây, vùng trung tâm, vùng phía Đông  
B. vùng phía Bắc, vùng Trung tâm, vùng phía Nam  
C. vùng núi trẻ Coóc- đi-e, vùng Trung tâm, vùng núi già Apalát  
D. vùng núi trẻ Coóc-đi-e, vùng núi già Apalát, đồng bằng ven Đại Tây Dương  
**Câu 64.** Nhận xét không đúng về đặc điểm tự nhiên vùng núi Coóc-đi-e là  
A. gồm các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000 m, chạy song song theo hướng Bắc-Nam  
B. xen giữa các dãy núi là bồn địa và cao nguyên có khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc  
C. ven Thái Bình Dương là các đồng bằng nhỏ hẹp, đất tốt, khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt hải dương  
D. có nhiều kim loại màu (vàng, đồng, chì), tài nguyên năng lượng phong phú, diện tích rừng tương đối lớn  
**Câu 65.** Nhận xét đúng nhất về đặc điểm địa hình vùng phía Tây Hoa Kỳ là  
A. các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000 Km  
B. các dãy núi trẻ chạy song song hướng Bắc-Nam, xen giữa các bồn địa và cao nguyên  
C. ven biển Thái Bình Dương là các đồng bằng nhỏ hẹp  
D. Các ý trên  
**Câu 66.** Miền Tây Hoa Kỳ, mật độ dân số trung bình vào năm 2005 khoảng  
A. 13 người/Km2                                B. dưới 15 người/Km2  
C. 31 người/Km2                                D. dưới 51 người/Km2  
**Câu 67.** Dân cư Hoa Kỳ ở các bang giáp biển chiếm tới  
A. 46%                  B. 56%                    C. 66%                   D. 76%  
**Câu 68.** Các bang nằm ven Đại Tây Dương tập trung tới  
A. 18% dân số Hoa Kỳ                       B. 28% dân số Hoa Kỳ  
C. 38% dân số Hoa Kỳ                       D.48% dân số Hoa Kỳ  
**Câu 69.** Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc về các bang  
A. vùng Tây Bắc và ven Thái Bình Dương  
B. ở vùng Trung tâm và ven Đại Tây Dương  
C. ở phía Nam và ven Thái Bình Dương  
D. ở phía Bắc và ven Đại Tây Dương  
**Câu 70.** Sự phân bố dân cư Hoa Kỳ chịu ảnh hưởng của nguyên nhân chủ yếu là  
A. điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên  
B. lịch sử khai thác lãnh thổ  
C. đặc điểm phát triển kinh tế  
D. Các ý trên  
**Câu 71.** Số lượng hãng hàng không lớn đang hoạt động ở Hoa Kỳ khoảng  
A. 28                     B. 29                        C. 30                      D. 31  
PA: C  
**Câu 72.** Ngành hàng không của Hoa Kỳ vận chuyển số lượng khách hàng chiếm khoảng  
A. 1/5 của toàn thế giới                      B. 1/4 của toàn thế giới  
C. 1/3 của toàn thế giới                      D. 1/2 của toàn thế giới  
**Câu 73.** Năm 2004, số lượt khách du lịch quốc tế đến Hoa Kỳ là  
A. 45 triệu             B. 46 triệu                C. 47 triệu             D. 48 triệu  
**Câu 74.** Ngành du lịch của Hoa Kỳ phát triển rất mạnh năm 2004, số lượt khách du lịch trong nước đạt  
A. 1,2 tỉ               B. 1,3 tỉ                   C. 1,4 tỉ                D. 1,5 tỉ  
**Câu 75.** Năm 2004, so với toàn thế giới GDP của Hoa Kỳ chiếm khoảng  
A. gần 27%          B. trên 27%             C. gần 28%           D. trên 28%  
**Câu 76.** Năm 2002, sức mua của thị trường Hoa Kỳ đạt  
A. trên 6700 tỉ USD                          B. trên 6900 tỉ USD  
C. gần 7000 tỉ USD                           D. trên 7300 tỉ USD  
**Câu 77.** Hoạt động dịch vụ của Hoa Kỳ phát triển rất mạnh và chiếm tỉ trọng rất cao trong GDP. Năm 2004. tỉ trọng dịch vụ chiếm khoảng  
A. 62,1%               B. 72,1%                 C. 74,9%                D. 79,4%  
**Câu 78.** Năm 2004, so với toàn thế giới tổng giá trị ngoại thương của Hoa Kỳ chiếm  
A. 11%                 B. 12%                     C. 13%                   D. 14%